TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 183/2019/ HN-ST
Ngày: 17- 9 - 2019
"V/v Ly hôn giữa chị H và anh D"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **LÊ VĂN THÀNH**
2. Ông **NGUYỄN VĂN TÁM**
- *Thư ký phiên tòa*: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà:* Không tham gia.

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2019/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 172/2019/QĐXX-ST ngày 12 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **TRẦN THỊ H**, sinh năm 1987.
Địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện L, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Anh **NGUYỄN VĂN MINH D**, sinh năm 1986.
Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
(Chị H xin vắng mặt, anh D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản hòa giải ngày 21/5/2019 chị Trần Thị H trình bày: Chị và anh D do quen biết và tiến đến hôn nhân năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2017 thì phát sinh mâu thuẩn và ly thân từ đó đến nay do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường hay cãi vả.

Con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn K sinh ngày 09/6/2008 và Nguyễn Minh Q, sinh ngày 10/11/2014 hiện đang sống cùng chị H.

Tài sản chung: vợ chồng có 02 chiếc xe máy nhưng khi con bị bệnh đã bán để lấy tiền chữa trị nên không còn.

Nợ chung: Không có

Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D. Con chung chị yêu cầu nuôi, không cần anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn Minh D tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 21/5/2019 trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về quá trình tiến đến hôn nhân, con chung, nợ chung. Về mâu thuẫn vợ chồng không có gì lớn anh vẫn còn thương chị H nên không đồng ý ly hôn. Về con chung nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn thì anh yêu cầu nuôi cả 02 con chung không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung có 02 chiếc xe máy, anh yêu cầu chị H phải giao cho anh 01 chiếc để đi lại**.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 29/7/2019 chị H có đơn xin giải quyết vắng mặt với lý do chị làm đi làm xa không thể dự phiên tòa. Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Minh D dù được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị H và anh D tiến đến hôn nhân năm 2008 trên cơ sở tự nguyện có sự tìm hiểu nhau trước nhưng sau khi cưới nhau anh chị chỉ chung sống được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 5/2017 đến nay không ai qua lại với ai hay tìm biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình Tòa án tiến hành hòa giải giữa 02 bên, anh D có đến dự phiên hòa giải ngày 21/5/2019, rồi sau đó vắng mặt dù được triệu tập hợp lệ. Tại phiên hòa giải ngày 21/5/2019 dù anh D không đồng ý ly hôn nhưng cũng không đưa ra biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, phía chị H vẫn kiên quyết ly hôn vì tình cảm không còn. Cũng theo xác nhận của ban quản lý thôn 5, xã Đ thì hiện tại con chung đang ở cùng chị H và bà ngoại, riêng tình trạng mâu thuẫn vợ chồng không nắm rõ. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng của anh chị không còn, quan hệ hôn nhân thật sự đổ vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cho chị Hòa được ly hôn anh D là phù hợp điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Linh Đ và Nguyễn Minh Q hiện sống cùng chị H. Tại phiên hòa giải ngày 21/5/2019 anh D có yêu cầu nuôi 02 con chung nếu vợ chồng ly hôn. Xét thấy con chung được chị H nuôi dưỡng từ lúc anh chị ly thân đến nay các cháu vẫn được đi học và phát triển bình thường. Đối với cháu K cũng có nguyện vọng sống với chị H. Do đó để tránh xáo trộn tâm

sinh lý của con chung Hội đồng xét xử xem xét tiếp tục giao cháu Nguyễn K và Nguyễn Minh Q cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Tại phiên hòa giải ngày 21/5/2019 chị H trình bày vợ chồng không còn tài sản chung. Còn anh D trình bày vợ chồng có 02 chiếc xe máy anh yêu cầu chị giao 01 chiếc xe cho anh đi lại. Tòa án có lập biên bản quy định thời gian cho anh làm đơn yêu cầu chia tài sản chung, cung cấp chứng cứ và nộp tiền tạm ứng án phí nhưng đã hết hạn mà anh D thực hiện, phía chị H không thừa thừa nhận còn tài sản chung. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở giải quyết. Sau này anh có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu ly hôn được chấp nhận theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 51, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu khởi kiện của chị Trần Thị H.

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn Minh D.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cho chị Trần Thị H được quyền nuôi cháu Nguyễn K sinh ngày 09/6/2008 và Nguyễn Minh Q, sinh ngày 10/11/2014.

Anh Nguyễn Văn Minh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo qui định pháp luật.

3. Về tài sản chung: không xem xét giải quyết do không yêu cầu.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí:

- Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST. Chị đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 10179 ngày 02/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè xem như thi hành xong.

6. Về thời hạn kháng cáo: Chị H, anh D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

TRẦN TÚ ANH